

## NGHIÊN CỨU PHÊ BÌNH VĂN HỌC NHẬT BẢN Ở VIỆT NAM TỪ ĐẦU THẾ KỈ XX ĐẾN NAY

Nguyễn Thị Kiều Anh<sup>1</sup>, Bùi Thùy Linh<sup>1</sup>

**Tóm tắt:** Bài viết trình bày những nét chính về quá trình nghiên cứu phê bình văn học Nhật Bản ở Việt Nam từ đầu thế kỉ XX đến nay: từ nghiên cứu tiến trình lịch sử văn học, các đặc điểm, loại thể và các thể loại văn học đến nghiên cứu so sánh văn học ở cấp độ thể loại, tác giả, tác phẩm, xu hướng nghiên cứu văn học Nhật Bản trong bối cảnh khu vực và toàn cầu hoá... Các kết quả nghiên cứu sẽ góp phần mang đến những góc nhìn phong phú và toàn diện hơn về tình hình nghiên cứu phê bình nói riêng, tiếp nhận văn học Nhật Bản nói chung tại Việt Nam. .

**Từ khoá:** văn học Nhật Bản, nghiên cứu phê bình, tiếp nhận

### 1. MỞ ĐẦU

Mối quan hệ giao lưu văn hóa Việt Nam – Nhật Bản khởi đầu từ cuối thế kỉ XVI khi các thương nhân Nhật Bản đến Việt Nam làm ăn buôn bán. Sang đầu thế kỉ XX, việc thành lập Duy tân hội (1904), phong trào Đông Du (1905) của Phan Bội Châu (1867–1940), phong trào Duy Tân (1906–1908) do Phan Chu Trinh (1872–1926) khởi xướng và phong trào Đông Kinh Nghĩa Thục (1907) do các sĩ phu yêu nước Việt Nam sáng lập đã mở ra giai đoạn mới trong quan hệ giao lưu văn hóa – văn học Việt Nam – Nhật Bản. Từ giữa thế kỉ XX đến nay, độc giả Việt Nam ngày càng có điều kiện thưởng thức và khám phá vẻ đẹp diệu kì của văn chương xứ sở hoa anh đào qua những bản dịch thơ, truyện ngắn của dịch giả nước nhà. Trong bài viết này chúng tôi trình bày sự tiếp nhận văn học Nhật Bản ở Việt Nam trên phương diện nghiên cứu phê bình văn học dựa trên nguồn tài liệu chủ yếu là những bài nghiên cứu phê bình của các tác giả Việt Nam đăng tải trong các sách, kỉ yếu khoa học và bài báo tạp chí.

### 2. NỘI DUNG NGHIÊN CỨU

#### 2.1. Khái lược quá trình tiếp nhận văn học Nhật Bản

2.1.1. Việc dịch thuật văn học Nhật Bản ở Việt Nam diễn ra muộn hơn và không liên tục như một số nền văn học khác. Tác phẩm văn học Nhật Bản được dịch sang tiếng Việt đầu tiên là tiểu thuyết *Giai nhân kì ngộ* – tác giả Tokai Sanshi, bút danh của nhà văn Shiba Shiro (1852–1922). Đây là văn bản chuyển thể mang tựa đề *Giai nhân kì ngộ diễn ca* do Phan Chu Trinh thực hiện trong nhiều năm (sau khi đọc được bản dịch Hán (*Giai nhân chi kì ngộ*) của nhà duy tân Trung Quốc Lương Khải Siêu vào năm 1906) – có thể

<sup>1</sup> Trường ĐHSP Hà Nội 2

đến khoảng 1919 – 1920 (theo Vĩnh Sính trong “*Về tác phẩm “Giai nhân kỳ ngộ diễn ca” của Phan Châu Trinh: nguồn gốc và ý nghĩa*”, *Kỷ yếu hội thảo quốc tế Việt Nam học lần thứ nhất 1998*, Tập II, Nxb. Thế giới, Hà Nội, 2000). Tuy nhiên, văn bản này tới tận khoảng năm 1958 mới được công bố lần đầu tại Sài Gòn (32 năm sau khi Phan tiên sinh mất) do công lao của Lê Văn Siêu. Năm 1944 xuất hiện bản dịch tác phẩm *Cuộc tái ngộ* – tác giả Komatsu Kyoshi – của Giáng Nguyên (Nguyễn Giang) đăng tải không liên tục trên tờ báo *Trung Bắc chủ nhật* (các số 208 đến số 213, số 223 đến số 234, số 236 đến số 237 trong hai năm 1944, 1945). Sau thời gian dài gián đoạn tới thập niên 60 của thế kỉ XX, văn học Nhật Bản tiếp tục được dịch thuật, giới thiệu rộng rãi đến công chúng bạn đọc ở cả hai miền Nam Bắc Việt Nam.

Ở miền Bắc, trước ngày đất nước thống nhất có hơn 10 đầu sách văn học Nhật Bản được dịch và xuất bản, chủ yếu là tiểu thuyết và truyện ngắn: *Bên thi hài người vợ* của Tomofumi Ogura (1958)<sup>(1)</sup>; *Khu phố không ánh mặt trời* của Sunao Tokunaga (1961); *Mây gió Hakone* của Teru Takakura (1963); *Cánh đồng Bansu* của Miyamoto Yuriko (1964); *Chàng Memet mảnh khảnh* của Koman Yasa (1964); *Sợi xích trắng* (tập truyện ngắn nhiều tác giả, 1966); *Ngôi đền vàng* của Mishima Yukio (1970); *Đường đến nguồn nước* của Kazuro Hirotsuda (1974)... Ở miền Nam, thời gian này có khoảng 30 tác phẩm văn học Nhật Bản được dịch giới thiệu trong đó phải kể đến: *Truyện của một người đăng trí* (1966), *Lễ sinh môn* (1967) của Akutagawa Ryunosuke; *Một bản tình ca* (1968) và *Yêu trong mùa thu* (1973) của Yasuko Harada; *Xứ tuyết* (1969), *Ngàn cánh hạc* (1969), *Đất Phù Tang, cái đẹp và tôi* (Diễn từ Nobel văn chương, 1969), *Cô vũ nữ xứ Izu* (1969)... của Kawabata Yasunari, *Chết giữa mùa hè* (1969); *Kim Các tự* (1970) của Mishima Yukio...

Sự kiện chính thức thiết lập quan hệ ngoại giao (1973) mở ra một thời kì mới cho mối quan hệ Việt Nam – Nhật Bản. Tuy trải qua nhiều thăng trầm trong năm cuối thập niên 70 và thập niên 80 nhưng đến những năm 1990, mối quan hệ giữa hai nước đã dần khởi sắc. Từ đó đến nay, đặc biệt với công cuộc đổi mới, mở rộng quan hệ, giao lưu hợp tác quốc tế, văn học nghệ thuật Nhật Bản được dịch, giới thiệu ở Việt Nam ngày càng nhiều, chất lượng dịch thuật được nâng cao. Năm 1993, Trung tâm Nghiên cứu Nhật Bản tại Việt Nam, thuộc Trung tâm Nghiên cứu Khoa học Xã hội và Nhân văn Quốc gia nay là Trung tâm Nghiên cứu Nhật Bản, thuộc Viện Nghiên cứu Đông Bắc Á, Viện Hàn lâm Khoa học xã hội Việt Nam được thành lập. Năm 2006 được xem là mốc có ý nghĩa quan trọng trong việc xúc tiến quan hệ giao lưu văn hóa giữa hai nước (Festival Nhật Bản được tổ chức tại thủ đô Hà Nội và thành phố Hồ Chí Minh). Đây là những sự kiện có ý nghĩa

<sup>(1)</sup> Năm văn bản tác phẩm bằng tiếng Việt được ấn hành.

quan trọng trong thúc đẩy việc dịch thuật và nghiên cứu văn học Nhật Bản. Những thập kỉ cuối thế kỉ XX việc dịch, giới thiệu văn học Nhật Bản không nhiều song diễn ra khá đều đặn. Riêng năm 1989 có hàng chục tác phẩm văn học Nhật Bản đã đến với bạn đọc Việt Nam. Từ đó đến nay, hàng năm, số lượng tác phẩm văn học Nhật Bản được chuyển ngữ vẫn tương đối đều đặn. Riêng chín tháng đầu năm 2016 đã có 24 tác phẩm văn học Nhật Bản được dịch, giới thiệu ở Việt Nam. Chỉ riêng khoảng hơn 20 năm đầu thế kỉ XXI, có tới hơn 20 nhà văn với hơn 200 đầu sách (dịch mới hoặc tái bản) đã được phát hành. Theo thống kê chưa đầy đủ của chúng tôi, các nhà văn có nhiều tác phẩm được dịch: Akutagawa Ryunosuke khoảng 36 đầu sách (*Trong rừng trúc, Truyện ngắn chọn lọc, Sợi tơ nhện, Bọn đạo tặc, Mộng mị, Thầy Mori, Áo ảnh cuộc đời...*); Haruki Murakami khoảng trên 20 đầu sách (*Rừng Nauy, Ngày đẹp trời để xem Kangaroo, Đom đóm, Bóng ma ở Lexington, Kafka bên bờ biển, Phía Nam biên giới phía Tây mặt trời, Ngắm, Cuộc săn cừu hoang, Những người đàn ông không có đàn bà...*); Kawabata Yasunari khoảng trên 12 đầu sách (*Cố đô, Đóm lửa lạc loài, Tiếng rền của núi, Đẹp và buồn, Người đẹp say ngủ, Xứ tuyết, Ngàn cánh hạc, Tuyển tập Kawabata Yasunary...*); Dazai Osamu khoảng trên 10 đầu sách (*Phong cảnh hoàng kim, Melos ơi, Chạy nhanh lên, Cổ hương, Đồi khi, Thất lạc cõi người, Nữ sinh, Tà dương...*); Banana Yoshimoto khoảng 8 đầu sách (*Kitchen, Vĩnh biệt Tugumi, Say ngủ, Amrita, Thần lẫn, Hồ, Nấp biển...*); Tanizaki Junichiro khoảng 6 đầu sách (*Người đàn bà tôi thương, Chiếc chìa khóa, Người cắt lau...*); Ryu Murakami khoảng 5 đầu sách (*Màu xanh trong suốt, Xuyên thấu, Thử vai 69...*); Miyazawa Kenji khoảng 4 đầu sách (*Người săn gấu và mèo rừng, Quán ăn mè neho lắm chuyện, Thổ thần và con chồn...*); Mori Ogai khoảng 4 đầu sách (*Thuyền giải tù, Hanako, Đang trùng tu, Nhận*). Bên cạnh việc dịch tác phẩm của các nhà văn tiêu biểu của Nhật Bản, một công trình dịch thuật văn học dân gian kì công cần phải nhắc đến là *Kim tích vật ngữ tập* (tập Thượng và tập Hạ) của nhà nghiên cứu Nguyễn Thị Oanh và nhóm dịch thuật với gần 1.600 trang (tập Thượng được xuất bản vào năm 2017, tập Hạ được xuất bản năm 2023 bởi Nxb Khoa học xã hội)

Các dịch giả có nhiều đóng góp cho việc dịch thuật có thể kể tới: Phan Châu Trinh, Nguyễn Giang, Nguyễn Nam Trân, Phạm Vũ Thịnh, Đinh Văn Phước, Lê Ngọc Thảo, Lương Việt Dũng, Dương Tuyết Minh, Nhật Chiêu, Văn Lang Tôn Thất Phương, Cung Điền, Diễm Châu, Nguyễn Thị Oanh...

Nhà xuất bản có nhiều ấn phẩm văn học Nhật Bản: Văn học, Hội Nhà văn, Đà Nẵng, Phụ nữ, Trẻ, Lao động, Văn nghệ Tp. Hồ Chí Minh, Văn hóa Sài Gòn, Tác phẩm mới, Thế giới... Trước năm 1975, ở miền Nam có các nhà xuất bản: Sông Thao, Trình bày, Lá Bối, An Tiêm, Sáng tạo, Đất mới...

2.1.2. Sự tiếp nhận văn học Nhật Bản ở Việt Nam khởi đầu từ việc dịch thuật của Phan Chu Trinh trong thập niên 10 nhưng nghiên cứu phê bình thì xuất hiện muộn hơn. Những công trình sớm nhất xuất hiện ở miền Nam, trong những năm 30. Đầu tiên có thể kể đến bài báo *Văn chương nước Nhật* của Lư Khê đăng nhiều kì trên báo *Tự do*, số 5,6 năm 1936. Cũng trong năm 1936, Hàn Mặc Tử có bài báo *Thi văn Nhật Bản với phong trào Âu hoá* đăng trên báo *Sài Gòn*, số 3, 2/1936. Tuy nhiên, trong thập niên 30,40 cho đến những năm 50, những công trình nghiên cứu xuất hiện vô cùng ít ỏi. Phải đến những năm 60, 70 của thế kỉ XX, việc nghiên cứu, phê bình văn học Nhật Bản mới bắt đầu diễn ra sôi nổi hơn. Mở đầu là bài viết: *Mây gió Ha-kô-nê, tiểu thuyết của Ta-ca-cu-ra Tê-rư* của Nguyễn Năm (TC *Văn học* (TCVH số 2, 1964), *Tình hình văn học hiện đại Nhật Bản* của Sei Kubota (TCVH số 6, 1965)... Ở miền Nam xuất hiện một số bài: *Vài nét về thơ Haiku và thi bá Matsuo Bashô* của Châm Vũ Nguyễn Văn Tần (TCVH số 90, 1969), *Tiểu thuyết Nhật Bản* (TCVH số 90, 1969), *Vài đặc điểm của văn nghệ Nhật Bản 1945 – 1950* (TCVH (Miền Nam), số 144, 1972) của Lê Trường Sa, *Kawabata – nhà văn Nhật Bản đầu tiên được giải Nobel văn học* của Mai Chương Đức (TCVH số 144, 1972)... Lĩnh vực nghiên cứu phê bình văn học Nhật Bản từng bước phát triển, đạt thành tựu nhất định cùng với sự phát triển mạnh mẽ của dịch thuật.

## **2.2. Các hướng chính trong nghiên cứu phê bình văn học Nhật Bản ở Việt Nam từ đầu thế kỉ XX đến nay**

### **2.2.1. Nghiên cứu lịch sử văn học, những vấn đề chung**

Trước hết là những bài viết giới thiệu khái quát văn học Nhật Bản: *Văn học Nhật Bản hiện đại từ thời Minh Trị đến nay* (Văn học Nhật Bản, Nxb Viện Thông tin KHXH, 1998) và *Khái quát một trăm năm văn học Nhật Bản hiện đại qua những cây bút xuất sắc* (TC *Nghiên cứu Đông Bắc Á* (NCĐBA) số 9, 2007) của Nguyễn Tuấn Khanh, *Điền từ Nhật Bản và những hướng nghiên cứu* (NCVH số 5, 2014) của Vũ Thị Thanh Trâm, *Tản mạn về vấn đề nữ quyền ở các nhà văn Nhật Bản* ([w.w.w.eret.com/2-ThoVan/PV-Thinh/TanMan-ve-Nuquyen.htm](http://w.w.w.eret.com/2-ThoVan/PV-Thinh/TanMan-ve-Nuquyen.htm)) của Phạm Vũ Thịnh... Trong cuốn *Nhật Bản trong chiếc gương soi* (Nxb Giáo dục, 1995), Nhật Chiêu đã giới thiệu những nét cơ bản về tiểu thuyết, sân khấu Nhật Bản và nhà thơ nổi tiếng Basho. *Câu chuyện văn chương phương Đông* (Nxb Giáo dục, 1997), phần viết về Nhật Bản, tác giả tiếp tục giới thiệu huyền thoại và thơ ca, văn chương nữ lưu, văn chương phù thế, sân khấu Nô. Với *Nhật Bản đất nước, con người, văn học* (Nxb Văn hóa – Thông tin, 2003), các tác giả Ngô Minh Thủy, Ngô Tự Lập giới thiệu khái quát văn học Nhật Bản từ cổ đại đến văn học đương đại, đồng thời tuyển dịch một số tác phẩm thơ văn và tiểu luận tiêu biểu. Trong cuốn *Chuyên luận Nhật Bản học* (Nxb Tổng hợp Tp. Hồ Chí Minh, 2008), Dương Ngọc Dũng dành phần đầu viết về Aware, “văn học” (bungaku) và “Văn học Heian” (794–1191) với những nội dung

chính: Khái niệm Aware, Văn học Nhật kí (Nikki Bungaku), ảnh hưởng của tư tưởng ngữ văn Đức trong việc hình thành lý luận văn học Nhật Bản thời Minh trị. Mai Liên trong mở đầu *Hợp tuyển văn học Nhật Bản từ khởi thủy đến giữa thế kỉ XIX* (Mai Liên tuyển chọn, giới thiệu và dịch, Nxb Lao động – Trung tâm văn hóa Ngôn ngữ Đông Tây, 2010) nêu ngắn gọn một số đặc điểm, từ chữ viết, thể tài, tính chất cụ thể, không có hệ thống, tính duy mỹ và duy tình của văn học Nhật Bản, mô hình phát triển đồng thời phân kì lịch sử văn học Nhật Bản. Đến với *Những cây bút kiệt xuất trong văn học Nhật Bản hiện đại* (Nxb Khoa học xã hội, 2011) của Nguyễn Tuấn Khanh người đọc có điều kiện hiểu biết về văn học hiện đại Nhật Bản với 9 gương mặt xuất sắc đồng thời thấy được đặc điểm cơ bản của văn học Nhật Bản. Nhà nghiên cứu Hữu Ngọc trong *Đạo chơi vườn văn Nhật Bản* (Nxb Văn nghệ, 2006) đã dành phần đầu tập trung phác họa toàn cảnh bức tranh văn học Nhật Bản... Một số nhà nghiên cứu – giảng viên chuyên sâu văn học Nhật Bản đã có những công trình biên khảo bề thế, hệ thống: Nhật Chiêu với *Văn học Nhật Bản từ khởi thủy đến 1868* (Nxb Giáo dục, 2000), Nguyễn Nam Trân có *Tổng quan lịch sử văn học Nhật Bản* (Nxb Giáo dục Việt Nam, 2011); Chương Văn học cận đại Nhật Bản trong *Văn học cận đại Đông Á – từ góc nhìn so sánh* do Đoàn Lê Giang chủ biên (Nxb Tổng hợp thành phố Hồ Chí Minh, 2011)... Gần đây có thể kể đến cuốn *Văn học Nhật Bản và sự tiếp nhận văn học Nhật Bản tại Việt Nam (VHNB&STNVHNBTVN)* (Nxb Đại học Quốc gia Hà Nội, 2022) của Viện Nghiên cứu phát triển Văn hoá, Ngôn ngữ và Giáo dục (CLEF) gồm 10 bài viết chuyên khảo về văn học Nhật Bản và tình hình tiếp nhận Văn học Nhật Bản tại Việt Nam và *Giáo trình thể loại và tác giả tiêu biểu văn học phương Đông (GTTL&TGTBVHPĐ)* (Nguyễn Thị Mai Chanh, Nguyễn Thị Mai Liên (đồng chủ biên), Nxb Đại học Sư phạm, 2022) trình bày các vấn đề khái quát về văn học Nhật Bản và các thể loại, tác giả tiêu biểu: Thần thoại Nhật Bản, thơ haiku và M. Basho, tiểu thuyết hiện đại (với Y.Kawabata và H.Murakami) và kịch Noh.

Ngoài ra các nhà nghiên cứu, dịch giả còn tuyển dịch công trình nghiên cứu của các học giả nước ngoài viết về văn học Nhật Bản. Tiêu biểu là *Khái lược văn học Nhật Bản* (TCVH số 5, 1997), *Kojiki – sự khởi đầu của văn học Nhật Bản* (TCVH số 1, 1995)... Các tài liệu trên giúp người đọc có hiểu biết sâu sắc hơn văn học Nhật Bản và cách tiếp cận văn học Nhật bản của các nhà nghiên cứu nước ngoài.

Một số bài viết hướng tới nghiên cứu đặc điểm văn học Nhật Bản hay những vấn đề thuộc lĩnh vực lý luận, thi pháp học. Đó là các bài: *Yếu tố Eros trong truyền thống văn học Nhật Bản* (TCVH (miền Nam) số 90, 1969) của Uyên Minh, *Vài đặc điểm văn nghệ Nhật Bản 1945 – 1950* (TCVH số 144, 1972) của Lê Trường Sa, *So sánh quan niệm văn học trong văn học cổ điển Việt Nam và Nhật Bản* (TCVH số 9, 1997), *Sự ra đời của từ “văn học” và quan niệm mới về văn học ở các nước Việt Nam, Trung Quốc, Nhật Bản*

(TCVH số 5, 1998) của Đoàn Lê Giang, *Một số đặc trưng của văn học Nhật Bản* (TC Nghiên cứu Nhật Bản số 8, 1999) của Trần Hải Yến, *Các khuynh hướng tự nhiên trong văn học Nhật Bản đầu thế kỉ XX* (NCVH số 8, 2005) của Khương Việt Hà, *Nét tương đồng và khác biệt giữa văn học Nhật Bản và văn học Việt Nam trong quá trình hiện đại hóa* (Giai đoạn cuối thế kỉ 19 đầu thế kỉ 20) (NCVH, số 3, 2011) của Cao Thị Hào, *Những biểu hiện của chủ nghĩa hiện thực huyền ảo trong văn học Nhật Bản đương đại* (NCVH số 2, 2012) của Lê Ngọc Phương, *Mỹ học Mono no aware và văn chương Nhật Bản* (NCVH số 2, 2012) của Lê Thị Thanh Tâm, *Trào lưu hiện sinh chủ nghĩa trong văn học hiện đại Nhật Bản và Việt Nam dưới góc nhìn so sánh* (Văn học Việt Nam và Nhật Bản trong bối cảnh Đông Á (VHNBBCĐA), Nxb Văn nghệ Tp. Hồ Chí Minh, 2013) của Trần Thị Thục, *Một số phạm trù mỹ học then chốt trong văn học Trung đại Nhật Bản* (TC Văn hóa nghệ thuật, số 3, 2014) của Nguyễn Thị Mai Liên, *Văn học Vô sản Nhật Bản qua một số tác phẩm tiêu biểu* (Văn học Việt Nam và Nhật Bản trong bối cảnh toàn cầu hóa (VHNBCTCH), Nxb ĐHQG Tp. Hồ Chí Minh, 2015) của Nguyễn Thị Phương Thúy, ...

Trong số các bài viết những năm gần đây xuất hiện một số bài đi sâu nghiên cứu văn học Nhật Bản trong bối cảnh khu vực và toàn cầu hóa: *Con đường hiện đại hóa văn học của các nước khu vực văn học chữ Hán (qua tư liệu văn học Việt Nam và Nhật Bản)* (Văn học cận đại Đông Á từ góc nhìn so sánh (VHCĐĐATSS), Nxb Tổng hợp Tp. Hồ Chí Minh, 2011), *Nghiên cứu văn học Việt Nam và Nhật Bản trong bối cảnh Đông Á* (NCVH số 2, 2012) và *Văn học Việt Nam và Nhật Bản trên con đường đi đến những giá trị toàn cầu* (NCVH số 5, 2014) của Đoàn Lê Giang. Ngoài ra còn có *Quá trình du nhập văn học phương Tây vào Nhật Bản* (VHCĐĐATSS), *Ảnh hưởng của phương Tây đối với văn học Nhật Bản hiện đại* (VHCĐĐATSS)...

Các nhà nghiên cứu, dịch giả Việt Nam đã chọn chuyên ngữ một số bài nghiên cứu của các tác giả nước ngoài: *Những đặc điểm của văn học Nhật Bản* (Văn học Nhật Bản, Nxb Viện Thông tin Khoa học Xã hội, Hà Nội, 1998) của Shuichi Kato, *Những quan niệm thẩm mĩ độc đáo về nghệ thuật của người Nhật* (TCVH số 5, 1996) của (V.V.) Ôtrinnicôp và cuốn *Chân tuyết của tiểu thuyết* (Trần Hải Yến dịch và giải thích, Nxb Thế giới, 2013) của Tsubouchi Shōyō...

### 2.2.2. Nghiên cứu thơ ca

Những năm của thập kỉ cuối thế kỉ XX, đầu thế kỉ XXI, nhiều bài viết, cuốn sách tập trung tìm hiểu nghiên cứu thơ ca Nhật Bản. Trước hết, có thể kể đến các bài nghiên cứu mang tính khái quát: *Đôi điều về thơ Nhật Bản* (TC Tác phẩm mới số 4, 1992) của Nguyễn Xuân Sanh, *Thơ ca Nhật Bản* (Nxb Giáo dục, 1998) và *Ba nghìn thế giới thom* (Nxb Văn nghệ, 2007), *Tìm hiểu thơ haiku Nhật Bản* (TC Sông Hương số 21, 1986), *Manyoshu* (Vạn diệp tập) hay là thơ ca từ mọi nẻo đường đời (TCVH số 9, 1997) của Nhật Chiêu, *Một số*

đặc điểm của thơ haiku Nhật Bản (TC Nghiên cứu Nhật Bản và Đông Bắc Á số 4, 2001) và Thơ haiku Nhật Bản viết về mùa xuân (TC Nghiên cứu Nhật Bản và Đông Bắc Á số 2, 2004) của Hà Văn Lương, *Hai-cư – Hoa thời gian* (Nxb Giáo dục, 2007) của Lê Từ Hiền và Lưu Đức Trung, *Cấu trúc nghệ thuật thơ haiku* (TCVH số 10, 1999) của Nguyễn Tuấn Khanh, *Những cách tân Tanka thời Meiji* (VHCĐĐATSS) của Nguyễn Vũ Quỳnh Như; *Nét độc đáo của thơ Haiku* (TC Thông tin Khoa học và Công nghệ Quảng Bình, số 1, 2016) của Lê Chiêu Phùng, ...

Nghiên cứu giá trị nội dung, nghệ thuật thơ ca Nhật Bản qua những cây bút xuất sắc có thể kể đến: *Thơ ca cận đại Nhật Bản qua một số gương mặt tiêu biểu* (VHCĐĐATSS), *Saigyô Hôshi (1118–1190): Thi sĩ tài hoa yêu phiêu du của Nhật Bản* ([www.erct.com/2-ThoVan/VinhSinh/SaiGyo-Hoshi.htm](http://www.erct.com/2-ThoVan/VinhSinh/SaiGyo-Hoshi.htm)) của Vĩnh Sính, *Matsuo Basho – nhà thơ lớn của thể thơ haiku* (TC Nghiên cứu Nhật Bản số 3, 1995) của Nguyễn Tuấn Khanh, *Vài nét về thơ Hai-ku với thi bá Matsuo Basho* (TCVH (miền Nam), số 90, 1969) của Châm Vũ Nguyễn Văn Tàn, *Bashô và cõi thơ haiku ở Nhật Bản* ([www.erct.com/2-ThoVan/VinhSinh/Basho.htm](http://www.erct.com/2-ThoVan/VinhSinh/Basho.htm)) và *Hoa anh đào muôn thuở: Vài bài thơ khó quên của Bashô* ([www.erct.com/2-ThoVan/VinhSinh/ADMT-AnhDaoMuonThuo.htm](http://www.erct.com/2-ThoVan/VinhSinh/ADMT-AnhDaoMuonThuo.htm)) của Vĩnh Sính, *Basho và thơ Haiku* (Nxb Văn học, 1994) của Nhật Chiêu, *Masaoka Shiki và haiku cận đại* (NCVH số 7, 2010) của Nguyễn Vũ Quỳnh Như, *Ishikawa Takuboku (1886–1912) đời thơ lưu lạc* (VHNBBCĐA) của Nguyễn Nam Trân. Loạt bài: *Không gian trong thơ ca của các nữ thi nhân trong Manyôshu* (Bài giảng chuyên đề nghiên cứu Nhật Bản: Giới và luật, Nxb Thế giới, Hà Nội, 2019), *Cảm nghiệm Thiền trong tiếp nhận thơ haiku và tranh mặc hội cổ điển* (TC Khoa học Trường Đại học Sư phạm TP Hồ Chí Minh, 19 (1), 2022), *Dấu ấn Phật giáo trong thơ ca của các nữ thi nhân trong Shin Kokin Wakashu*, (TC Khoa học Xã hội và Nhân văn, số 6, 2022) của Nguyễn Anh Tuấn; *Kobayashi Issa: Cá tính mạnh mẽ và tiên phong đại chúng hóa thơ Haiku* (TC Khoa học Đại học Văn Hiến số 8 (4), 2022) của Nguyễn Vũ Quỳnh Như, *Yosano Akiko và trào lưu thơ Tanka mới* (VHNB&STNVHNBTVN), *Biểu tượng hoa trong thơ haiku của Matsuo Basho và Yosa Buson* (TC Khoa học và Công nghệ Đại học Duy Tân số 01 (56), 2023) của Lê Thị Hải, Trần Cao Thanh Uyên, *Văn hóa Nhật Bản trong thơ haiku của Matsuo Basho, Yosa Buson và Kobayashi Issa* (TC Khoa học và Công nghệ Đại học Duy Tân số 05 (66), 2024) của Lê Thị Hải...

Tìm hiểu về thơ ca còn có cụm bài so sánh thể thơ truyền thống Nhật Bản với thơ ca các nền văn học khác có thể kể đến: *Phác thảo những nét tương đồng và dị biệt của ba thể thơ tuyệt cú, haiku và lục bát* (Văn học so sánh nghiên cứu và triển vọng, Nxb ĐHSF, 2005) của Nguyễn Thị Bích Hải, *Một số phương diện thi pháp haiku và lục bát, ngũ ngôn tứ tuyệt, Ghazal từ góc nhìn so sánh* (VHNBCTCH), *Haiku – lục bát một vài ghi nhận*

(NCVH số 2, 2012) của Nguyễn Thị Thanh Xuân, *Những nét tương đồng và dị biệt của thơ Sijo (Hàn Quốc) và thơ haiku Nhật Bản* (NCĐBA số 10, 2009) của Hà Văn Lường, *Cái hài trong thơ Senryu Nhật Bản và ca dao Việt Nam* (NCVH số 2, 2012) của Nhật Chiêu; *Thơ haiku (Nhật Bản) và thơ lục bát (Việt Nam) từ góc độ so sánh* (TC Kinh tế – Công nghiệp, số 35, 4/2023) của Nguyễn Minh Ca và Nguyễn Thanh Đào, *Vương Duy và Yosa Buson – “Thi trung hữu họa”* (TC Khoa học ĐHSPTPHCM, số 38, 2012) của Nguyễn Thị Nguyệt Trinh...

Một số bài viết theo hướng nghiên cứu so sánh văn học ở cấp độ tác giả: *Basho – Nguyễn Trãi – Nguyễn Du, những hồn thơ đồng điệu* (TCVH số 6, 2003) của Đoàn Lê Giang, *Basho (1644–1694) và Huyền Quang (1254–1334) sự gặp gỡ với mùa thu hay sự trùng hợp về cảm thức thẩm mỹ* (NCVH số 7, 2005) của Lê Từ Hiền, *Sự biểu hiện của “Tĩnh” và “Động” trong thơ Trần Nhân Tông và thơ HaiKu của M.Basho (Nhật Bản)* (TC Nghiên cứu Nhật Bản và Đông Bắc Á, Số 1 (61), 2006) của Hà Văn Lường, *Quan niệm về vô thường trong thơ từ thế (Jisei no Shi) của thiền sư Nhật Bản thời Kamakura và thơ thị tịch của thiền sư Việt Nam thời Lý – Trần* (NCVH số 5, 2014) của Ngô Trà Mi, loạt bài *Thơ ca của các nữ thi nhân cung đình trong Toàn Đường thi và Manyoshu* (TC Khoa học Xã hội và Nhân văn, số 4, 2017), *Thời gian bốn mùa trong thơ ca các nữ thi nhân trong Toàn Đường thi và Manyoshu* (NCĐBA số 10, 2017), *Tình hình nghiên cứu về thơ ca của các nữ thi nhân trong Toàn Đường thi và Manyoshu* (TC Thông tin khoa học xã hội, số 10, 2017), *Thơ ca của các nữ thi nhân trong Kokin wakashu nhìn từ phương diện nội dung chủ đề và hình thức nghệ thuật (so sánh với thơ ca của các nữ thi nhân trong Manyoshu)* (TC Khoa học Xã hội và Nhân văn, số 6, 2021) của Nguyễn Tuấn Anh...

Nghiên cứu xu hướng phát triển và ảnh hưởng của thơ ca có các bài: *Thơ mới Nhật Bản (VHCĐĐATSS)*, *Xu hướng phát triển thơ haiku trong xã hội Nhật Bản ngày nay* (NCVH số 5, 2014) của Nguyễn Vũ Quỳnh Như, *Xu hướng dân tộc hóa của thơ ca Nhật Bản (VHNBBCTĐA)* của Nguyễn Thị Mai Liên, *Vấn đề tiếp nhận thơ haiku tại Việt Nam* (NCĐBA số 4, 2012) và *Sự truyền bá thơ haiku ra thế giới phương Tây* (NCĐBA số 8, 2011) của Nguyễn Vũ Quỳnh Như, *Từ tinh thần nhân văn trong thơ Haiku Nhật Bản suy nghĩ về giáo dục giá trị sống cho học sinh Việt Nam trong bối cảnh hội nhập quốc tế* (TC Khoa học giáo dục, số 134, 11/2016) của Nguyễn Thị Toan, Nguyễn Thị Hồng Vân...

Bài viết, sách nghiên cứu văn học Nhật Bản của các tác giả nước ngoài được chọn dịch sang tiếng Việt: *Thiền trong thơ haiku Nhật Bản* (TCVH số 4, 1992) của T.P. Grigoriêva, *Thế kỷ bạc của thơ Nhật Bản* (TCVH số 6, 1994) của Đôlin (A.), “*Sự ngu ngốc thần thánh*” (*Về nhà thơ Thiền Ryōkan – Nhật Bản*) (TCVH số 8, 1995) của John Stevens, *Thơ Nhật Bản ngày nay* (Văn học Nhật Bản, Nxb Viện Thông tin KHXH, 1998) của



Kiwao Nomura, và cuốn *Matsuo Basho bậc đại sư thơ haiku* (Nguyễn Nam Trân biên dịch và chú thích, Nxb Hồng Đức, 2016) của Ueda Makoto.

### 2.2.3. Nghiên cứu văn xuôi

Các nghiên cứu về văn xuôi Nhật Bản rất phong phú nhưng chủ yếu tập trung vào tiểu thuyết và truyện ngắn. Nhật kí và tùy bút tuy cũng là những thể loại nổi bật nhưng mới được nhắc tới chủ yếu trong một số công trình giới thiệu mang tính khái quát. Nguyễn Nam Trân trong *Tổng quan lịch sử văn học Nhật Bản* đã dành chương 7 – *Dòng văn học nhật kí và tùy bút – Cái nhìn sắc bén về cuộc đời của những kẻ đứng bên lề* đã khái quát về tùy bút và nhật kí Nhật Bản qua các thời kì từ Heian đến Edo. Nguyễn Thị Mai Liên cũng mang đến một sự giới thiệu ngắn gọn trong *Hợp tuyển văn học Nhật Bản từ khởi thủy đến giữa thế kỉ XIX*. Đào Hữu Dũng trong *Dòng nhật kí và tùy bút trong văn học Nhật Bản* (<http://vanhoanghean.com.vn/chi-tiet-tin-tuc/2189-dong-nhat-ky-va-tuy-but-trong-van-hoc-nhat-ban>, 2011) đã tìm hiểu về sự phát triển của nhật kí và tùy bút qua các giai đoạn lịch sử văn học Nhật Bản: Heian, Kamakura, Edo và trong mối quan hệ với văn học hiện đại, Ngô Trà Mi trong *Cội nguồn thể loại tùy bút Nhật Bản* (VHNBBCĐA) đã tìm hiểu tùy bút trong mối quan hệ với nhật kí và sự phát triển của tùy bút qua các giai đoạn lịch sử văn học Nhật Bản...

Phần lớn các nghiên cứu văn xuôi là về tiểu thuyết và truyện ngắn. Trong số đó, có một số bài viết giới thiệu chung về tiểu thuyết, truyện ngắn còn phần nhiều đi sâu nghiên cứu tác phẩm cụ thể. Có thể kể đến các công trình: *Tiểu thuyết Nhật Bản* (TCVH số 90 (miền Nam) 6/1969) của Mai Chương Đức, *Ihara Saikaku và Năm cô gái si tình* (NCVH số 2, 2002) và *Genji Monogatari kiệt tác văn học Nhật Bản* (NCVH số 11, 2002) của Nhật Chiêu, *Yuchimoto Banana – nhà văn của lòng nhân ái và những tổn thương tinh thần* (NCĐBA số 2, 2009) của Lưu Thị Thu Thủy, *Vài nét so sánh về nhân vật tha hoá trong truyện ngắn của Akutagawa (Nhật Bản) và của Nam Cao (Việt Nam)* (NCĐBA, số 4 (98), 2009) của Phạm Thị Thu, *Higuchi Ichiyo – nhà văn chuyên nghiệp đầu tiên của Nhật Bản* ([www.erct.com/2-ThoVan/NNT/Huguchi\\_9620\\_Ichiyo.htm](http://www.erct.com/2-ThoVan/NNT/Huguchi_9620_Ichiyo.htm)) của Nguyễn Nam Trân, *Futabatei Shimei và tiểu thuyết mới đầu tiên: “Ukigumo”* (VHCĐĐATSS), *Vẻ đẹp tình yêu trong Giáo sư và công thức toán của Yoko Ogawa* (TC Văn học nước ngoài (VHNN) số 4, 2012) của Nguyễn Thị Thanh Thảo, *Từ tiểu thuyết Gia đình của Shimazaki Toson suy nghĩ về khuynh hướng tự nhiên chủ nghĩa trong văn học Nhật Bản và Việt Nam* (VHNBBCĐA) của Nguyễn Hữu Hiếu, *Komatsu Kiyoshi và Cuộc tái ngộ* (VHNBBCĐA) của Phạm Mạnh Hùng, *Thể loại tự sự trong văn học cổ điển Trung Quốc, Nhật Bản và Việt Nam qua khái niệm “tiểu thuyết”, “vật ngữ”/“monogatari”, “truyện”* (VHNBBCĐA), *Abe Kobo: Một phong cách hiện thực huyền ảo mang tính toàn cầu* (NCVH số 5, 2014) của Lê Ngọc Phương, *Thể loại monogatari trong thế giới văn chương tự sự* (TC Khoa

học Trường Đại học Sư phạm TP Hồ Chí Minh, số 16 (5), 2019) của Nguyễn Thị Lam Anh, *Đặc trưng Thi pháp thể loại Tư tiểu thuyết (Shishosetsu) trong văn học Nhật Bản (TC Khoa học Và Công nghệ – Đại học Đà Nẵng, số 22, 8/2024)* của Nguyễn Lê Phương Trinh, *Giới thiệu tiểu thuyết “Colorful” của Eto Mori và vấn đề tổn thương tâm lý ở trẻ em (TC Khoa học Lạc Hồng, số 2 (16), 2024)* của Văn Tường Vi...

Trong các công trình nghiên cứu, có khá nhiều bài viết, sách đi sâu nghiên cứu các cây bút xuất sắc của văn học Nhật Bản hiện đại. Viết về Kawabata Yasunari có các bài viết và sách: *Kawabata Yasunari – cuộc đời và sự nghiệp (TCVH (miền Nam) số 140, 10/1969)* của Vũ Thư Thanh, *Yasunari Kawabata – cuộc đời và tác phẩm (Nxb Giáo dục, 1997)* và *Thi pháp tiểu thuyết của Yasunari Kawabata nhà văn lớn Nhật Bản (TCVH số 9, 1999)* của Lưu Đức Trung, *Thế giới Kawabata Yasunari (hay là cái đẹp: hình và bóng), (TCVH số 3, 2000)* và *Kawabata Yasunari và thẩm mỹ của chiếc gương soi (TC Nghiên cứu Nhật Bản số 4, 2000)* của Nhật Chiêu, *Kawabata Yasunari – Người lữ khách ưu sầu đi tìm cái đẹp (TC Sông Hương số 154, 2001)* của Lê Thị Hương, *Thủ pháp tương phản trong Người đẹp say ngủ của Kawabata Yasunari (NCVH số 1, 2004)* của Khương Việt Hà, *Yasunari Kawabata giữa dòng chảy Đông Tây (NCVH số 7, 2005)*, *Kiểu nhân vật “Lữ khách đi tìm cái đẹp” trong sáng tác của Yasunari Kawabata (NCĐBA số 5, 2006)*, *Văn hoá Nhật Bản và Yasunari Kawabata (Nxb Giáo dục, 2007)* và *Nhà văn Nhật Bản thế kỉ XX (Nxb Tổng hợp Thành phố Hồ Chí Minh, 2018)* của Đào Thị Thu Hằng, *Yasunari Kawabata – “Lữ khách muôn đời đi tìm cái đẹp” (NCVH số 11, 2005)* của Nguyễn Thị Mai Liên, *Mỹ học Kawabata Yasunari (NCVH số 6, 2006)* của Khương Việt Hà, *Cái đẹp truyền thống trong sáng tác của Yasunari Kawabata (NCĐBA số 2, 2006)* của Trần Thị Tố Loan, *Yếu tố kì ảo trong sáng tác của Yasunari Kawabata nhìn từ phương thức biểu hiện (NCĐBA số 11, 2006)* và *Đặc điểm truyện ngắn Yasunari Kawabata nhìn từ góc độ thi pháp (NCĐBA số 5, 2007)* của Hà Văn Lưỡng, *Một số biểu hiện của thiền tông và chất phương Đông trong văn xuôi Yasunari Kawabata (NCĐBA số 3, 2012)* của Hà Văn Lưỡng, *Biểu tượng trong tiểu thuyết của Kawabata (VHNN số 1–2, 2012)* của Trần Thị Tố Loan, *Cảm thức thiên nhiên trong Ngàn cánh hạc của Kawabata Yasuna từ góc nhìn truyền thống (NCĐBA số 3, 2016)* và *Cảm thức thiền của Kawabata Yasunari nhìn từ quan niệm thế giới và con người trong Ngàn cánh hạc (NCĐBA số 7, 2016)* của Hoàng Thị Mỹ Nhi, *Sự kiến tạo nơi chốn trong tiểu thuyết Kawabata Yasunari (TC Khoa học Xã hội, Nhân văn và Giáo dục, tập 12, số 1, 2022)* của Nguyễn Phương Khánh, *Ảnh hưởng văn hoá Nhật Bản trong văn học qua các biểu tượng trong tiểu thuyết Cỏ đỏ của Kawabata (TC Khoa học Trường Đại học Hồng Đức, số 52, 2024)* của Nguyễn Thị Thanh Nga...

Nghiên cứu Oe Kenzaburo (1935–2007): *Oe Kenzaburo và những huyền thoại về cuộc đời (TC Kiến thức ngày nay, số 155, 1994)* của Nhật Chiêu, *Oe Kenzaburo và vũ trụ văn*

học của ông (TC Văn tháng 12, 1994) của Đoàn Lê Giang, *Oe Kenzaburo và nỗi đau nhân loại trong “Một nỗi đau riêng”* (NCVH số 4, 2007) của Đào Thị Thu Hằng, *Trạng thái hiện sinh của con người trong tiểu thuyết “Một nỗi đau riêng” của Oe Kenzaburo* (NCĐBA số 9, 2008) và *Nghịch dị trong khắc họa chân dung nhân vật của Oe Kenzaburo (qua tiểu thuyết “Một nỗi đau riêng”)*, (NCVH số 3, 2008) của Ôn Thị Mỹ Linh...

Viết về Haruki Murakami (1949 –): *Thực tại và con người trong sáng tác của Haruki Murakami* (VHNBBCTĐA) của Trần Thị Tố Loan, *Những cái tôi kể chuyện “phi trung tâm hoá” trong tiểu thuyết Haruki Murakami* (NCĐBA số 5, 2014) của Lê Thị Diễm Hằng, *Một số yếu tố kì ảo trong truyện ngắn của Haruki Murakami* (NCĐBA số 9, 2012), *Yếu tố thực và ảo trong tiểu thuyết của Haruki Murakami* (NCĐBA số 8, 2013) và *Dấu ấn hậu hiện đại trong một số sáng tác của Haruki Murakami* (NCĐBA số 3, 2011) của Hà Văn Lương, *Phức cảm Genji trong tiểu thuyết Kafka bên bờ biển của Haruki Murakami* (VHNN số 1, 2/2012) của Nguyễn Hồng Anh, *Cổ mẫu Shadow và motif cuộc hành trình trong tiểu thuyết “Người tình Sputnik” của Haruki Murakami* (NCĐBA số 2, 2012) và *Nghệ thuật tiểu thuyết của Haruki Murakami trong Biên niên kỉ chim vặn dây cót* (NCĐBA số 7, 2012) của Ngô Việt Hoàn, *Kiểu con người đa ngã trong tiểu thuyết Người tình Sputnik của Haruki Murakami* (VHNN số 3, 2010) của Trần Thị Tố Loan, *Cấu trúc tự sự Kafka bên bờ biển theo cách nhìn phân tâm học* (NCVH số 5, 2010) của Lê Nguyên Cẩn, *Sự phản ứng của giới trẻ về yếu tố sex trong tiểu thuyết Rừng Nauy của tác giả Haruki Murakami* (NCVH số 12, 2008) của Vũ Thị Thu Hà, *Motif biến dạng trong Samsa đang yêu của Haruki Murakami (trong sự quy chiếu với Hoá thân của Franz Kafka)* (TC Khoa học Trường Đại học Sư phạm TP Hồ Chí Minh, số 19 (4), 2022) và *Cổ mẫu hang trong tiểu thuyết Haruki Murakami (TC Khoa học Trường Đại học Sư phạm TP Hồ Chí Minh, số 19 (4), 2022)* của Nguyễn Bích Nhã Trúc...

Những bài nghiên cứu so sánh văn học ở cấp độ tác giả, tác phẩm, thể loại... đăng trên tạp chí, sách xuất hiện nhiều ở thế kỉ XXI, tiêu biểu là *Vài nét so sánh về nhân vật tha hoá trong truyện ngắn Akutagawa (Nhật Bản) và của Nam Cao (Việt Nam)*, (NCĐBA, số 4, 2009) của Phạm Thị Thu, *Vũ nguyệt vật ngữ của Ueda Akinari và Truyền kì mạn lục của Nguyễn Dữ* (NVCH số 1, 2010) của Đoàn Lê Giang, *Chủ nghĩa duy mỹ trong truyện ngắn của Akutagawa và Nguyễn Tuân* (VHNBBCTĐA) của Đỗ Thị Mỹ Lợi, *Cuộc truy vấn về nhân sinh trong Bướm trắng của Nhật Linh và Thất lạc cõi người của Dazai Osamu* (VHNBBCTĐA) của Nguyễn Ngọc Bảo Trâm...

#### 2.2.4. Nghiên cứu kịch

Kịch có vị trí đặc biệt trong nền văn học nghệ thuật Nhật Bản và có sức thu hút sự quan tâm nhất định của giới nghiên cứu phê bình Việt Nam những năm gần đây. Đã có một số công trình nghiên cứu về kịch Nhật Bản, nhiều hơn cả vẫn là các bài nghiên cứu

về kịch Noh. Tiêu biểu có thể kể đến: *Kamishibai: Nghệ thuật truyền thống Nhật Bản* (TC Nghiên cứu Nhật Bản, số 3, 1997) của Hồ Hoàng Thoa, *Đôi điều tìm hiểu về lịch sử phát triển thể loại kamishibai (kịch giấy) Nhật Bản* (NCĐBA, số 4 (86), 4/2008) của Ngô Hương Lan, *Kịch No và Người đẹp say ngủ của Yasunari Kawabata* (NCĐBA, số 2 (84), 2/2008) của Đào Thị Thu Hằng, *Quá trình hiện đại hoá sân khấu đại chúng Nhật Bản thời Minh Trị* (NCĐBA số 1, 2015) của Nguyễn Dương Đỗ Quyên, *Hình tượng Komachi trong kịch Noh từ cổ điển đến hiện đại* (NCVH số 5, 2014) của Nguyễn Ngọc Bảo Trâm, *Nghệ thuật chuyển động đôi chân của diễn viên trên sân khấu* (TC Nghiên cứu Sân khấu – Điện ảnh, số 40, 1/2023) của Tadashi Suzuki... Trong *Dạo chơi vườn văn Nhật Bản*, Hữu Ngọc dành hơn 30 trang viết về kịch Noh. Nhật Chiêu trong cuốn *Nhật Bản trong chiếc gương soi* với *Chiếc gương thứ 7* trình bày những vấn đề cơ bản sân khấu Nhật Bản và trong *Văn học Nhật Bản từ khởi thủy đến 1868* cũng đã dành hai chương với 30 trang bàn về sân khấu Noh. Nguyễn Nam Trân trong *Tổng quan lịch sử văn học Nhật Bản* có hai chương viết về lĩnh vực sân khấu: Sân khấu No, Kyogen và các hình thức văn học tuồng khác, sân khấu Joruri và Kabuki. Trong *Hợp tuyển văn học Nhật Bản từ khởi thủy đến giữa thế kỉ XIX*, Nguyễn Thị Mai Liên giới thiệu về kịch Noh trong chương giới thiệu văn học thời kì Muromachi. Giáo trình *Thể loại và tác gia tiêu biểu văn học phương Đông* cũng dành riêng một chương Kịch Noh Nhật Bản để khái quát về lịch sử phát triển, giá trị của kịch Noh và tác giả, tác phẩm kịch Noh tiêu biểu... Đó đều là những đóng góp thiết thực, cụ thể của các nhà nghiên cứu giúp bạn đọc Việt Nam có những kiến thức cần thiết khi tiếp cận với tác phẩm kịch Nhật Bản.

#### 2.2.5. Nghiên cứu truyện tranh

Truyện tranh Nhật Bản phát triển mạnh từ thế kỉ XX và đã có nhiều bộ truyện tranh được dịch, giới thiệu ở Việt Nam. Tuy nhiên, việc nghiên cứu truyện tranh Nhật Bản ở Việt Nam chỉ mới bắt đầu và nội dung nghiên cứu còn tản mạn. Một số bài viết đã đăng tải trên tạp chí, sách báo: *Truyện tranh Nhật Bản và nhu cầu giải trí của trẻ em hiện nay* (TC Diễn đàn văn nghệ Việt Nam số 2, 2002) của Đàm Thuỳ Dương, *Vài nét về Manga Nhật Bản* (TC Nghiên cứu Nhật Bản và Đông Bắc Á, số 6 (54), 12/2004) của Hạ Thị Lan Phi, *Truyện tranh manga và phim hoạt hình đối với trẻ em Việt Nam* (Báo Khoa học và Đời sống số Xuân 2006) của Trung Cường, *Manga và sự ảnh hưởng của nó đối với thiếu nhi Nhật Bản và Việt Nam* (NCĐBA, số 1 (71), 1/2007) của Lưu Thị Thu Thủy, *Các đặc trưng của truyện tranh Nhật Bản trong tương quan với truyện tranh Đông Á* (NCĐBA số 3, 2012) của Phan Tuấn Anh – Phạm Phú Phong, *Ảnh hưởng của Manga Nhật Bản đến học sinh phổ thông Việt Nam; Nghiên cứu trường hợp tại Hà Nội* (Nghiên cứu Đông Bắc Á năm 2014 Tập 2: Văn hoá – Xã hội – Môi trường, Nxb ĐHQG Hà Nội, 2015) của Hạ Thị Lan Phi, *Những ảnh hưởng của truyện tranh Nhật Bản đối với trẻ em Việt Nam hiện*

nay (*Tạp chí Ngoại ngữ ĐHQGHN*, 32 (3), 2016) của Ngô Thanh Mai, *Manga Nhật Bản: Thực trạng đọc và ảnh hưởng đến học sinh phổ thông trên địa bàn thành phố Quy Nhơn, tỉnh Bình Định* (*TC Nghiên cứu Ấn Độ và Châu Á*, số 2 (123), 2/2023) của Nguyễn Đức Toàn, Tô Thị Minh Tâm....

Đồng thời chúng ta đã dịch: *Nghiên cứu Nhật Bản qua manga (truyện tranh) và anime (phim hoạt hình) Nhật Bản* (*NCĐBA* số 3, 2014) của Shoji Yamada.

#### 2.2.6. Nghiên cứu văn học dân gian

Những bài nghiên cứu văn học dân gian Nhật Bản ra đời phần lớn ở cuối thế kỉ XX, đầu thế kỉ XXI: *Nghiên cứu so sánh motif “thưởng và phạt” qua một tip truyện cổ tích Việt Nam – Nhật Bản* (*TC Khoa học ĐHQGHN, KHXH*, số 5, 1999) của Nguyễn Thị Nguyệt, *Việt Nam – đất nước và nguồn truyện cổ* (*Tuyển tập truyện cổ tích Nhật Bản*, Nxb ĐHQG Hà Nội, 2000) của Nguyễn Bích Hà, *Thể loại truyện thuyết dưới mắt các nhà nghiên cứu Folklore Nhật Bản và Trung Quốc* (*NCVH* số 2, 2000) của Kiều Thu Hoạch, *Tục ngữ Nhật Bản với người phụ nữ* (*TC Văn hoá nghệ thuật* số 4, 2001) của Nguyễn Thị Hồng Thu, *Từ điển truyện cổ tích Nhật Bản* (*NCVH* số 10, 2007) và *Setsuma (thuyết thoại) của Nhật Bản dưới góc nhìn so sánh* (*Văn hóa phương đông : Truyền thống và Hội nhập*, Nxb Đại học quốc gia Hà Nội, 2007) của Nguyễn Thị Oanh, *Tìm hiểu một số motif phổ biến trong truyện cổ tích Nhật Bản* (*NCĐBA* số 3, 2010) của Lê Thị Quỳnh Hào, *So sánh thần thoại mặt trời của Việt Nam, Trung Quốc và Nhật Bản* (*NCĐBA*, số 8, 2010) của Trần Lê Bảo, *Vũ nguyệt vật ngữ của Ueda Akinari và Truyền kì mạn lục của Nguyễn Dữ* (*NCVH* số 1, 2010) của Đoàn Lê Giang, *Phong tục người Nhật và người Việt qua truyện cổ tích* (*NCĐBA* số 1, 2013), *Một số điểm tương đồng về nghệ thuật trong truyện cổ tích Hàn Quốc – Nhật Bản*, (*TC Khoa học Trường Đại học Sư phạm TP Hồ Chí Minh*, số 49, 2013) của Lưu Thị Hồng Việt; các bài nghiên cứu đăng tải trong kỉ yếu hội thảo quốc tế *Văn học Việt Nam và Nhật Bản trong bối cảnh Đông Á* (2013): *Mô thức hình thái của “thần thoại kì kì” và màu sắc triết học tôn giáo ngoại lai* của Nguyễn Thanh Phong, *Kiểu nhân vật biến hình trong truyện cổ Nhật Bản và Việt Nam* của Nguyễn Anh Dân, *Nghiên cứu so sánh kiểu truyện trị ma quỷ trong truyện cổ Việt Nam với Nhật Bản và Trung Quốc* của Nguyễn Thị Oanh, *Yếu tố thần kì trong truyện cổ Nhật Bản từ góc nhìn thể loại* của Hà Văn Lương. Gần đây có thể kể đến bài viết *Yếu tố thần kì trong truyện cổ tích Nhật Bản* (*Đông Á: Những vấn đề nghiên cứu và giáo dục Ngữ văn*, Nxb Văn hóa – Văn nghệ, 2019) của Nguyễn Thị Ngọc Lan, *Người phụ nữ trong truyện cổ tích – dấu vết xã hội và khát vọng của Nhật Bản cổ đại* (*TC Khoa học trường Đại học Thủ Đức*, số 72, 5/2023) của Lương Hải Vân...

Văn học dân gian Nhật Bản được dịch sang tiếng Việt khá nhiều nhưng số bài nghiên cứu có số lượng còn hạn chế và chủ yếu nghiên cứu truyện cổ tích.

### 3. KẾT LUẬN

Nghiên cứu phê bình văn học Nhật Bản ở Việt Nam diễn ra chậm hơn so với dịch thuật. Bài viết đầu tiên xuất hiện vào những năm 1930, diễn ra sôi nổi hơn từ những năm 1960 nhưng lĩnh vực nghiên cứu phê bình văn học Nhật Bản chỉ phát triển mạnh mẽ và đạt thành tựu ở thập kỉ 90 thế kỉ XX và đầu thế kỉ XXI khi nền văn học này được giới thiệu rộng rãi qua các bản dịch và được đưa vào chương trình giáo dục phổ thông, đại học. Quá trình nghiên cứu văn học Nhật Bản đã giúp công chúng bạn đọc yêu văn chương có cái nhìn toàn cảnh bức tranh văn học Nhật Bản từ khởi thủy đến hiện đại, đương đại. Việc nghiên cứu phê bình đã bao quát các thể loại văn học: thơ (tanka, haiku, renga), văn xuôi (truyện ngắn, tiểu thuyết), kịch, truyện tranh... Văn học Nhật Bản hiện đại và đương đại được nghiên cứu nhiều hơn cả. Số bài nghiên cứu, sách, chuyên luận tập trung nhiều về tiểu thuyết, thơ haiku và truyện ngắn.

Việc nghiên cứu văn học Nhật Bản trong vài chục năm gần đây phát triển sâu rộng với số lượng tiểu luận, sách, chuyên luận vượt trội và chất lượng không ngừng nâng cao. Hơn mười năm đầu thế kỉ XXI xuất hiện những bài viết về văn học Nhật Bản theo hướng nghiên cứu so sánh văn học. Nhất là từ 2010 đến nay nhiều bài viết đi sâu nghiên cứu các tác gia, tác phẩm, thể loại văn học... trong mối liên hệ với khu vực và thế giới. Kịch, đặc biệt là kịch Noh – sự “kết tinh những giá trị văn chương cổ điển Nhật Bản” có vị trí quan trọng góp phần tạo nên vẻ đẹp và sự đa dạng của văn học, bản sắc văn hoá Nhật Bản nhưng việc nghiên cứu chưa nhiều và thiên về những vấn đề chung, khái quát. Truyện tranh Nhật Bản phát triển và trở nên quen thuộc với bạn đọc trẻ tuổi Việt Nam nhưng ít được tìm hiểu nghiên cứu. Sự tập trung nghiên cứu thơ haiku, thi sĩ M. Basho, và chưa chú ý tới thơ senryu, thơ hiện đại, các nhà thơ nổi tiếng Y. Buson, K. Issa, M. Shiki... dễ dẫn đến cái nhìn không đầy đủ, toàn vẹn nền thơ ca Nhật Bản.

Trong bối cảnh toàn cầu hoá, Việt Nam và Nhật Bản trở thành “đối tác Chiến lược toàn diện vì hòa bình và thịnh vượng tại châu Á và trên thế giới”. Đây sẽ là điều kiện thuận lợi để tiếp nhận, nghiên cứu văn học Nhật Bản và quảng bá, giới thiệu nhiều hơn văn học Việt Nam tới công chúng độc giả Nhật Bản.

### TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Các tạp chí: *Nghiên cứu văn học*, *Văn học nước ngoài*, *Nghiên cứu Đông Bắc Á*...
2. Nguyễn Thị Mai Chanh (2022), Nguyễn Thị Mai Liên (đồng chủ biên), *Giáo trình Thể loại và tác gia tiêu biểu văn học phương Đông*, Nxb Đại học Sư phạm.
3. Nhật Chiêu (1995), *Nhật Bản trong chiếc gương soi*, Nxb Giáo dục.
4. Nhật Chiêu (1997), *Câu chuyện văn chương phương Đông*, Nxb Giáo dục.

5. Nhật Chiêu (2000), *Văn học Nhật Bản từ khởi thủy đến 1868*, Nxb Giáo dục.
6. Dương Ngọc Dũng (2008), *Chuyên luận Nhật Bản học*, Nxb Tổng hợp Tp. Hồ Chí Minh.
7. Đoàn Lê Giang (chủ biên) (2011), *Văn học cận đại Đông Á từ góc nhìn so sánh*, Nxb Tổng hợp Tp. Hồ Chí Minh.
8. Đoàn Lê Giang, Nhật Chiêu, Trần Thị Phương Phương (tuyển chọn) (2013), *Văn học Việt Nam và Nhật Bản trong bối cảnh Đông Á*, Nxb Văn hoá văn nghệ Tp. Hồ Chí Minh.
9. Đoàn Lê Giang và Trần Thị Phương Phương (tuyển chọn) (2015), *Văn học Việt Nam và Nhật Bản trong bối cảnh toàn cầu hoá*, Nxb Đại học Quốc gia Tp. Hồ Chí Minh.
10. Nguyễn Tuấn Khanh (2011), *Những cây bút kiệt xuất trong văn học Nhật Bản hiện đại*, Nxb Khoa học xã hội.
11. Mai Liên (tuyển chọn, giới thiệu và dịch) (2010), *Hợp tuyển văn học Nhật Bản từ khởi thủy đến giữa thế kỉ XIX*, Nxb Lao động – Trung tâm văn hóa Ngôn ngữ Đông Tây.
12. Hữu Ngọc (2006), *Dạo chơi vườn văn Nhật Bản*, Nxb Văn nghệ.
13. Nhiều tác giả (1998), *Văn học Nhật Bản*, Nguyễn Thị Khánh và những người khác dịch, Viện Thông tin Khoa học Xã hội, H.
14. Nguyễn Nam Trân (2011), *Tổng quan lịch sử văn học Nhật Bản*, Nxb Giáo dục Việt Nam.

## JAPANESE LITERARY CRITICISM RESEARCH IN VIET NAM FROM THE EARLY 20TH CENTURY TO THE PRESENT

*Nguyen Thi Kieu Anh, Bui Thuy Linh*

**Abstract:** *This article provides an overview of the research and criticism of Japanese literature in Viet Nam from the early 20th century to the present. It examines the study of literary history, characteristics, genres, and comparative literature at the levels of genre, author, work, and research trends on Japanese literature within the regional and global contexts. The findings contribute to a more comprehensive and multifaceted understanding of literary criticism and the reception of Japanese literature in Viet Nam.*

**Keywords:** *Japanese literature, literary criticism, reception*

(Ngày Tòa soạn nhận được bài: 11-3-2025; ngày phản biện đánh giá: 21-3-2025;  
ngày chấp nhận đăng: 14-4-2025)